

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO
 TÀI CHÍNH TẠI TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5**

Chuyên ngành: KẾ TOÁN
 Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2010

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Khi kinh tế Việt Nam hội nhập “sâu” với kinh tế khu vực và quốc tế, các doanh nghiệp trong nước nói chung và các doanh nghiệp Nhà nước nói riêng sẽ không còn được “bảo hộ” bởi Nhà nước và sẽ vấp phải sự cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp, các tập đoàn nước ngoài. Vì vậy, các doanh nghiệp không những phải năng động trong kinh doanh, nhạy bén nắm bắt cơ hội mà còn phải đánh giá đúng năng lực tài chính của bản thân để tồn tại và vươn lên tự khẳng định mình ở thị trường trong nước và nước ngoài. Điều này đã khẳng định vai trò của công tác phân tích báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp cần được nâng cao, phải thực sự xem phân tích báo cáo tài chính là hoạt động quan trọng, không thể thiếu trong quá trình quản lý và điều hành doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc phân tích báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là trong các doanh nghiệp Nhà nước chưa được quan tâm đúng mức.

Công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 còn mang nặng tính hình thức, thông tin phân tích chưa đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của một Tổng công ty có quy mô lớn. Từ thực trạng đó, tác giả đã chọn đề tài: “*Hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5*” làm luận văn tốt nghiệp với mục đích đóng góp một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty, đáp ứng tốt hơn nhu cầu cung cấp thông tin cho Ban lãnh đạo trong hoạt động quản lý.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là:

- Thực trạng phân tích báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2009.

- Hoàn thiện nội dung phương pháp phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho Ban lãnh đạo trong hoạt động quản lý

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu nội dung phương pháp phân tích báo cáo tài chính từ báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên trực thuộc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5.

- Phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu trong phạm vi báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên cần thiết cho phân tích tình hình tài chính của Tổng công ty. Luận văn không đi vào những báo cáo ngoài hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử là phương pháp luận chung. Trên cơ sở đó, Luận văn sử dụng các phương pháp cụ thể của phân tích báo cáo tài chính là: phương pháp so sánh, phương pháp loại trừ, phương pháp chi tiết, phương pháp cân đối liên hệ. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn dựa trên các cuộc phỏng vấn trực tiếp Kế toán trưởng về những vấn đề liên quan đến số liệu của Tổng công ty.

5. Những đóng góp khoa học của đề tài

Luận văn hệ thống hóa cơ sở lý luận về báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

Từ việc nghiên cứu thực trạng phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5, đề xuất phương hướng và các giải pháp để hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty, đáp ứng tốt hơn nhu cầu cung cấp thông tin tài chính cho Ban lãnh đạo Tổng công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và phần phụ lục, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1.1 Khái niệm và ý nghĩa của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là hệ thống báo cáo được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành phản ánh các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu của đơn vị [12, tr.49]. BCTC là báo cáo bắt buộc được Nhà nước quy định thống nhất về danh mục các báo cáo, biểu mẫu, hệ thống các chỉ tiêu, phương pháp lập, nơi gửi báo cáo và thời gian gửi báo cáo.

BCTC rất hữu ích đối với việc quản trị doanh nghiệp và đồng thời là nguồn thông tin tài chính chủ yếu đối với những người ngoài doanh nghiệp [11, tr.233]. Qua đó, đáp ứng nhu cầu hữu ích cho số đông những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.

1.1.2 Khái niệm và ý nghĩa của phân tích Báo cáo tài chính

Phân tích BCTC là quá trình xem xét, đối chiếu và so sánh số liệu về tình hình tài chính hiện hành và quá khứ. Tình hình tài chính của đơn vị với những chỉ tiêu trung bình của ngành, thông qua đó các nhà phân tích có thể thấy được thực trạng tài chính hiện tại và dự đoán cho tương lai [2, tr.302].

Mục đích tối cao và quan trọng nhất của phân tích BCTC là giúp những người ra quyết định lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu và đánh giá chính xác thực trạng tài chính và tiềm năng của doanh nghiệp. Bởi vậy, việc phân tích BCTC có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều phía (chủ doanh nghiệp và bên ngoài) [11, tr.234]. Nói cách khác, mỗi doanh nghiệp đều có mối quan hệ với những nhóm lợi ích khác nhau. Các nhóm lợi ích khác nhau có những mối quan tâm khác nhau đến các thông tin trình bày trên BCTC của doanh nghiệp, do đó sẽ đi sâu phân tích các nội dung khác nhau của BCTC.

1.1.3. Các thông tin chủ yếu trên Báo cáo tài chính

Các thông tin khái quát chung và những thông tin căn bản đối với từng báo cáo cụ thể.

1.2 ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đối tượng nghiên cứu của phân tích BCTC là hệ thống chỉ tiêu thông tin kế toán được trình bày trên BCTC và mối liên hệ giữa các chỉ tiêu thông tin kế toán trên từng BCTC và giữa các BCTC.

1.3 PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.3.1 Phương pháp so sánh

Trong phân tích BCTC, có thể trình bày BCTC dạng so sánh nhằm xác định mức biến động tuyệt đối và mức biến động tương đối của từng chỉ tiêu trên BCTC qua hai hay nhiều kỳ, từ đó đánh giá xu hướng

biến động của các chỉ tiêu. Hoặc có thể trình bày BCTC theo quy mô chung, một chỉ tiêu trên BCTC được chọn làm quy mô chung và các chỉ tiêu có liên quan sẽ tính theo tỷ lệ phần trăm trên chỉ tiêu quy mô chung đó [3, tr.47], để đánh giá sự thay đổi cấu trúc các chỉ tiêu trên BCTC của doanh nghiệp.

1.3.2 Phương pháp loại trừ

1.3.3 Phương pháp chi tiết

Các chỉ tiêu kinh tế là kết quả của quá trình kinh doanh và là kết quả tổng hợp của nhiều bộ phận cấu thành nên để nắm được bản chất và đánh giá chính xác kết quả đạt được các chỉ tiêu này thì khi phân tích, có thể chi tiết các chỉ tiêu theo yếu tố cấu thành, theo thời gian và không gian.

1.3.4 Phương pháp cân đối liên hệ

Đây là phương pháp dựa vào sự cân bằng về lượng giữa 2 mặt của các yếu tố và quá trình kinh doanh. Đó là sự cân đối giữa tài sản và nguồn hình thành tài sản, sự cân đối giữa doanh thu, chi phí và lợi nhuận... Dựa vào sự cân đối vốn có đó để xem xét ảnh hưởng của từng nhân tố đến biến động của chỉ tiêu phân tích. Như vậy, trong phương pháp cân đối liên hệ, các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu phân tích có mối quan hệ dưới dạng tổng số hoặc hiệu số.

Ngoài ra, khi phân tích BCTC, các nhà phân tích thường sử dụng mô hình Dupont để phân tích mối liên hệ giữa các chỉ tiêu tài chính, cụ thể là phân tích mối quan hệ giữa các chỉ tiêu khác với chỉ tiêu suất sinh lời.

1.4 NỘI DUNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.4.1 Phân tích khái quát Báo cáo tài chính

1.4.2. Phân tích tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh

Phân tích tình hình bảo đảm nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh chính là xem xét *mối quan hệ cân đối giữa tài sản và nguồn tài*

trợ tài sản hay chính là phân tích cân bằng tài chính của doanh nghiệp qua chỉ tiêu vốn hoạt động thuần.

Cân bằng tài chính có liên quan chặt chẽ với tính tự chủ về tài chính (thể hiện qua chỉ tiêu Tỷ suất nợ, Tỷ suất tự tài trợ, Tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu) và tính ổn định của nguồn tài trợ (thể hiện qua chỉ tiêu Tỷ suất nguồn tài trợ thường xuyên, Tỷ suất nguồn tài trợ tạm thời, Tỷ suất vốn chủ sở hữu so với nguồn tài trợ thường xuyên).

1.4.3 Phân tích tình hình và khả năng thanh toán

1.4.3.1 Phân tích tình hình thanh toán

Tình hình thanh toán của doanh nghiệp phản ánh qua các chỉ tiêu đánh giá các khoản nợ phải thu, phải trả bao gồm: Tỷ lệ các khoản nợ phải thu so với nợ phải trả, Số vòng quay của các khoản phải thu, Kỳ thu tiền bình quân, Số vòng quay các khoản phải trả, Thời gian quay vòng của các khoản phải trả.

1.4.3.2 Phân tích khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán của doanh nghiệp thể hiện qua các chỉ tiêu: Hệ số khả năng thanh toán tổng quát, Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, Hệ số khả năng thanh toán nhanh, Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn bằng nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh.

1.4.4 Phân tích hiệu quả kinh doanh

1.4.4.1 Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản

1.4.4.1.1 Phân tích hiệu quả sử dụng tổng tài sản

Hiệu quả sử dụng tổng tài sản được đánh giá qua các chỉ tiêu: Hiệu suất sử dụng tài sản, Số vòng quay của tài sản, Sức sinh lời của tài sản (Return on Assets - ROA), Suất hao phí của tài sản.

1.4.4.1.2 Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định

Các chỉ tiêu cơ bản đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định là: Sức sản xuất của tài sản cố định, Sức sinh lời của tài sản cố định, Suất hao phí của tài sản cố định.

1.4.4.1.3 Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn

Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn được đánh giá bằng các chỉ tiêu: Sức sản xuất, sức sinh lời và suất hao phí tài sản ngắn hạn.

1.4.4.2 Phân tích hiệu quả sử dụng nguồn vốn

Chỉ tiêu được sử dụng để phân tích hiệu quả sử dụng nguồn vốn là: sức sinh lời của nguồn vốn. Một số chỉ tiêu thường dùng để phân tích hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu là: Sức sinh lời của vốn chủ sở hữu (Return on Equity – ROE), Suất hao phí của vốn chủ sở hữu.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp quan tâm đến thông tin trên báo cáo tài chính, bởi nó cung cấp thông tin về tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp... phục vụ cho việc ra quyết định của từng nhóm đối tượng. Vì vậy, phân tích báo cáo tài chính rất quan trọng và cần thiết, không chỉ đối với nhà quản trị doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính công ty.

Trong chương 1, tác giả đã trình bày một cách khái quát cơ sở lý luận về báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp như: đối tượng nghiên cứu của phân tích báo cáo tài chính, phân tích khái quát báo cáo tài chính và các chỉ tiêu tài chính cơ bản, các phương pháp phân tích chủ yếu được sử dụng cho phân tích báo cáo tài chính.

Trên cơ sở lý luận của chương 1 để trong chương 2 tiến hành thu thập số liệu và đánh giá thực trạng công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

2.1 TỔNG QUAN VỀ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển Tổng công ty

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 5 tiền thân là Ban Xây dựng 67, được thành lập lại theo Quyết định 90/TTg ngày 15 tháng 8 năm 1995 của Thủ tướng chính phủ.

2.1.2 Vốn kinh doanh của Tổng công ty

Vốn kinh doanh của Tổng công ty là 125.632.971.234 đồng.

2.1.3 Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty

Tổng công ty kinh doanh đa ngành nghề nhưng chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

2.1.4 Các đơn vị thành viên của Tổng công ty

Gồm 7 đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và 7 đơn vị thành viên hạch toán độc lập.

2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Tổng công ty

2.1.6 Đặc điểm về cơ chế quản lý tài chính của Tổng công ty

Cơ chế quản lý tài chính được quy định trong điều lệ Tổng công ty mà Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 ban hành vừa tuân thủ các nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước vừa phù hợp với đặc thù của Tổng công ty.

2.1.7 Đặc điểm tổ chức kế toán ở Tổng công ty

2.2 THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

2.2.1 Các báo cáo tài chính được sử dụng để phân tích tại Tổng công ty

Nguồn số liệu được sử dụng để phân tích là BCTC tổng hợp của Tổng công ty, cụ thể là:

- BCTC tổng hợp tại Tổng công ty được lập bằng cách cộng ngang các chỉ tiêu trên BCTC của các đơn vị kế toán trực thuộc.

- BCTC phục vụ phân tích tại Tổng công ty là Bảng cân đối kế toán tổng hợp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Tổng công ty chưa lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

2.2.2 Nội dung phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty

2.2.2.1 Phân tích Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán tổng hợp năm 2009, Tổng công ty tiến hành so sánh tổng số tài sản cuối năm so với đầu năm cả về số tuyệt đối và tương đối, đồng thời xem xét từng loại tài sản chiếm tỷ trọng bao nhiêu trong tổng số tài sản (bảng 2.1). Qua việc so sánh này sẽ đánh giá quá trình biến động của tài sản diễn ra trong năm. Đây thực chất là việc phân tích cơ cấu tài sản. Kết quả phân tích đã chỉ ra: Tổng tài sản giảm so với đầu năm, trong đó, cơ cấu tài sản thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn. Nguyên nhân khiến quy mô Tổng công ty giảm sút là do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu cộng với sự suy thoái kinh tế trong nước.

Đồng thời, dựa trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp năm 2009, Tổng công ty tiến hành phân tích cơ cấu nguồn vốn (bảng 2.2). Kết quả phân tích đã chỉ ra: Nguồn tài trợ cho tài sản của Tổng công ty chủ yếu là nợ phải trả, tỷ suất nợ quá cao (trên 95%) cho thấy mức độ độc lập về mặt tài chính của Tổng công ty quá thấp, nguồn vốn chủ yếu là từ vay nợ. Trong nợ phải trả, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn so với nợ dài hạn cho thấy áp lực thanh toán trong ngắn hạn là khá lớn.

2.2.2.2 Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Tổng công ty tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh

doanh tổng hợp bằng cách so sánh từng chỉ tiêu trên báo cáo này ở năm hiện tại so với năm trước. Đây thực chất là phân tích kết quả kinh doanh (bảng 2.3). Kết quả phân tích chỉ ra rằng tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty giảm rất mạnh so với năm trước.

2.2.2.3 Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán:

Việc phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán được Tổng công ty tiến hành qua việc phân tích các khoản phải thu (bảng 2.4) và các khoản phải trả (bảng 2.5)

Việc phân tích các khoản phải thu đã chỉ ra rằng: Tổng các khoản phải thu giảm so với đầu năm là do Tổng công ty đã tích cực thu hồi các khoản nợ phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác (chiếm trên 60% tổng nợ phải thu), chứng tỏ Tổng công ty đã quản lý khá tốt công nợ phải thu.

Việc phân tích các khoản phải trả cho thấy: Mặc dù tổng nợ phải trả giảm so với đầu năm cho thấy tính tích cực của Tổng công ty trong việc thanh toán các khoản nợ nhưng trong cơ cấu nợ phải trả của Tổng công ty hầu hết là nợ ngắn hạn nên áp lực thanh toán đối với Tổng công ty trong thời gian ngắn là khá lớn.

Bên cạnh đó, Tổng công ty còn tiến hành đánh giá khả năng thanh toán thông qua các chỉ tiêu cơ bản thể hiện trên bảng 2.6. Kết quả phân tích cho thấy: Mặc dù hệ số khả năng thanh toán tổng quát và hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn đều lớn hơn 1 nhưng hệ số khả năng thanh toán nhanh lại nhỏ hơn 1, do đó Tổng công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn. Điều này là do dự trữ tiền mặt thấp và giảm mạnh so với đầu năm nên Tổng công ty cần xem xét lại mức dự trữ tiền cần thiết để đảm bảo hoạt động tài chính của Tổng công ty thông suốt, ổn định và an toàn.

Bảng 2.6: PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG THANH TOÁN
(Số liệu phân tích năm 2009)

Chỉ tiêu	Công thức	Đầu năm	Cuối năm	Chênh lệch
1/ Tỷ lệ các khoản nợ phải thu so với các khoản nợ phải trả	Tổng nợ phải thu	0,415	0,398	-0,017
	Tổng nợ phải trả			
2/ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	Tổng tài sản	1,011	1,015	+0,004
	Tổng nợ phải trả			
3/ Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Tài sản ngắn hạn	1,018	1,201	+0,183
	Tổng nợ ngắn hạn			
4/ Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho	0,715	0,768	+0,053
	Tổng nợ ngắn hạn			

2.2.2.4 Phân tích hiệu quả kinh doanh:

Đứng ở góc độ phân tích hiệu quả kinh doanh thông qua báo cáo tài chính thì tại Tổng công ty việc phân tích chỉ giới hạn ở việc phân tích kết quả hoạt động kinh doanh (thể hiện trên bảng 2.3) và phân tích hiệu

quả cuối cùng của Tổng công ty thể hiện qua bảng 2.7.

Bảng 2.7: PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU PHẢN ẢNH SUẤT SINH LỜI
(Số liệu phân tích năm 2009)

Chỉ tiêu	Công thức	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch
1/ Suất sinh lời của doanh thu (ROS)	Lợi nhuận sau thuế	0,045	0,018	-
	Doanh thu thuần			
2/ Suất sinh lời của tài sản (ROA)	Lợi nhuận sau thuế	0,016	0,004	-
	Tổng tài sản bình quân			
3/ Suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	Lợi nhuận sau thuế	0,772	0,303	-
	Vốn chủ sở hữu bình quân			

Bảng 2.7 cho thấy tất cả các hệ số sinh lời đều giảm so với năm 2008, đặc biệt là sự giảm sút mạnh của chỉ tiêu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu. Điều này chứng tỏ hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty thấp.

2.3 ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

2.3.1 Về xác định mục tiêu và nội dung phân tích:

Mục tiêu phân tích BCTC tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 là cung cấp thông tin khái quát về cấu trúc tài chính, tình

hình và khả năng thanh toán công nợ và hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty cho cả đối tượng bên trong lẫn bên ngoài Tổng công ty. Do đó, nội dung phân tích BCTC tại Tổng công ty bao gồm những nội dung sau:

- Phân tích Bảng cân đối kế toán tổng hợp, thể hiện qua việc lập Bảng cân đối kế toán tổng hợp dạng so sánh (so sánh ngang và so sánh dọc). Điều này đã giúp phân tích kỹ sự thay đổi cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn của năm này so với năm trước.

- Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, thể hiện qua việc lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp dạng so sánh ngang. Điều này cho thấy được tình hình tăng, giảm của các khoản mục trên báo cáo này so với năm trước.

- Phân tích tình hình thanh toán thể hiện qua Bảng phân tích các khoản nợ phải thu và Bảng phân tích các khoản nợ phải trả đã chỉ rõ sự biến động tổng thể cũng như của từng khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo số tuyệt đối và số tương đối. Phân tích khả năng thanh toán thông qua Bảng phân tích khả năng thanh toán giúp người đọc nắm được thông tin công nợ và khả năng thanh toán của Tổng công ty.

- Phân tích các chỉ tiêu phản ánh suất sinh lời.

Hạn chế:

- Mục tiêu phân tích: chưa đánh giá hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên trực thuộc.

- Nội dung phân tích:

+ Quá trình phân tích chỉ tiến hành so sánh các chỉ tiêu của năm này so với năm trước nên chưa cho thấy khuynh hướng phát triển của chỉ tiêu.

+ Việc phân tích chỉ đi vào tính toán các con số mà chưa đi vào tìm hiểu các nhân tố tác động đến các chỉ tiêu.

+ Chưa phân tích các chỉ tiêu đánh giá lưu chuyển tiền tệ trong kỳ.

2.3.2 Về phương pháp phân tích

Tại Tổng công ty, phương pháp phân tích BCTC chủ yếu là phương pháp so sánh.

Hạn chế:

- Chưa tiến hành so sánh qua nhiều năm để thấy được xu hướng phát triển của chỉ tiêu. Chưa được so sánh với các chỉ tiêu tài chính của các doanh nghiệp cùng ngành và với chỉ tiêu trung bình Ngành.

- Tổng công ty chưa áp dụng phương pháp loại trừ nên chưa đánh giá ảnh hưởng của từng nhân tố đến chỉ tiêu phân tích.

- Phương pháp chi tiết theo địa điểm kinh doanh chưa được áp dụng khi phân tích hiệu quả kinh doanh, do đó chưa đánh giá mức độ đóng góp của từng đơn vị thành viên trực thuộc vào kết quả chung của Tổng công ty cũng như phát hiện kịp thời những đơn vị kinh doanh thua lỗ và có khả năng phá sản.

- Tổng công ty chưa áp dụng phương pháp Dupont khi phân tích các chỉ tiêu suất sinh lời để thấy được mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa các chỉ tiêu này.

2.3.3 Về tài liệu phục vụ phân tích

Tài liệu sử dụng để phân tích là BCTC tổng hợp năm của Tổng công ty, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. BCTC tổng hợp năm của Tổng công ty là tổng hợp BCTC năm của các đơn vị thành viên trực thuộc, bao gồm các thành viên hạch toán phụ thuộc và các thành viên hạch toán độc lập.

Hạn chế:

- Tổng công ty chưa có số liệu của các doanh nghiệp cùng ngành hoặc số liệu trung bình ngành để làm căn cứ so sánh, đánh giá.

- Thiếu các báo cáo chi tiết về hàng tồn kho.

- Quy mô của Tổng công ty thường thay đổi so với năm trước.

- Thiếu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp.

- Thiếu Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng công tác phân tích BCTC tại Tổng công ty là:

- Ban lãnh đạo Tổng công ty chưa quan tâm đúng mức đến công tác phân tích BCTC. Việc phân tích BCTC được giao cho Kế toán trưởng.

- Việc lập BCTC tổng hợp của Tổng công ty là phức tạp và mất nhiều thời gian.

- Công tác tổ chức phân tích BCTC tại Tổng công ty còn sơ sài.

- Thiếu thông tin về tình hình tài chính của các doanh nghiệp cùng ngành cũng như số liệu trung bình của Ngành Xây dựng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 là loại hình doanh nghiệp Nhà nước, có nhiều đơn vị thành viên vừa hạch toán phụ thuộc vừa hạch toán độc lập và hoạt động đa ngành nghề. Năm 2006, nhờ quyết tâm cải tổ bộ máy quản lý, sắp xếp lại Tổng công ty cùng với chính sách quản lý chất lượng, Tổng công ty đã đi từ một đơn vị làm ăn thua lỗ trở thành một đơn vị làm ăn có lãi, xây dựng nên một thương hiệu CIENCO 5 vững mạnh ở miền Trung. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, phát triển mở rộng các ngành nghề kinh doanh được đúng đắn thì thông tin đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với Ban lãnh đạo Tổng công ty. Vì vậy, phân tích báo cáo tài chính là một hoạt động cần nhận được sự quan tâm đúng mức của Ban lãnh đạo Tổng công ty. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hơn nữa nội dung và

phương pháp phân tích cũng như tài liệu để phục vụ tốt hơn công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

3.1 PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BCTC TẠI TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

Cần tổ chức công tác phân tích BCTC tại Tổng công ty một cách khoa học với đội ngũ cán bộ phân tích được đào tạo bài bản nhằm nâng cao chất lượng thông tin cung cấp cho Ban lãnh đạo phục vụ hoạt động quản lý đối với một Tổng công ty có quy mô lớn.

Công tác phân tích cần được thực hiện khoa học qua cả 3 bước: lập kế hoạch phân tích, thực hiện phân tích và hoàn thành phân tích.

3.2 CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

Để hoàn thiện công tác phân tích BCTC theo mục tiêu trên, Tổng công ty cần thực hiện một số giải pháp sau:

3.2.1 Hoàn thiện tài liệu phục vụ phân tích

- Bổ sung báo cáo chi tiết hàng tồn kho.
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cần được lập.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cần được lập.

3.2.2 Hoàn thiện nội dung phương pháp phân tích tại Tổng công ty

3.2.2.1 Hoàn thiện nội dung phương pháp phân tích tình hình bảo đảm vốn cho hoạt động kinh doanh

Vốn hoạt động thuần là chỉ tiêu đánh giá tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh. Có thể khái quát cân bằng tài chính của Tổng công ty vào thời điểm cuối năm 2009 qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 3.1: NGUỒN TÀI TRỢ TÀI SẢN

DVT: Tỷ đồng

Tổng số tài sản	Tài sản dài hạn	- Phải thu dài hạn: 120 - Tài sản cố định: 468 - Bất động sản đầu tư: 15 - Đầu tư tài chính dài hạn: 116 - Tài sản dài hạn khác: 113	Nguồn vốn chủ sở hữu: 59	Nguồn tài trợ thường xuyên	Tổng số nguồn tài trợ
	Tài sản ngắn hạn	- Tiền và tương đương tiền: 127 - Đầu tư tài chính ngắn hạn: 11 - Phải thu ngắn hạn: 1.432 - Hàng tồn kho: 1.151 - Tài sản ngắn hạn khác: 471	Nợ dài hạn: 1.307		
				1.366	4.026
			Nợ ngắn hạn: 2.660	2.660	

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009 của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

Sơ đồ 3.1 cho thấy nguồn tài trợ tạm thời nhỏ hơn tài sản ngắn hạn hay nói cách khác là nguồn tài trợ thường xuyên lớn hơn tài sản dài hạn, do đó, vốn hoạt động thuần của Tổng công ty lớn hơn 0. Cân bằng

tài chính tại Tổng công ty trong trường hợp này được xem là tốt, an toàn.

Sử dụng phương pháp cân đối liên hệ để đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đến chỉ tiêu vốn hoạt động thuần trong năm 2009.

Để thấy được khuynh hướng trạng thái cân bằng tài chính của Tổng công ty, cần so sánh vốn hoạt động thuần qua nhiều năm (bảng 3.1). Kết quả phân tích cho thấy, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Tổng công ty. Tài sản ngắn hạn không chỉ được tài trợ bằng nguồn tài trợ tạm thời mà một phần được tài trợ bằng nguồn tài trợ thường xuyên. Vốn hoạt động thuần qua các năm có xu hướng tăng dần, do đó cân bằng tài chính của Tổng công ty ngày càng ổn định và an toàn. Tuy nhiên, nguồn tài trợ thường xuyên chủ yếu là nguồn vốn vay dài hạn, vốn chủ sở hữu chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong nguồn tài trợ thường xuyên. Do đó, mặc dù vốn hoạt động thuần có xu hướng tăng dần qua các năm nhưng cân bằng tài chính của Tổng công ty chưa thực sự bền vững.

3.2.2.2 Hoàn thiện nội dung phương pháp phân tích tính ổn định của nguồn tài trợ

Các chỉ tiêu đánh giá tính ổn định của nguồn tài trợ tại Tổng công ty được thể hiện trên bảng 3.2.

Bảng 3.2: PHÂN TÍCH TÍNH ỔN ĐỊNH CỦA NGUỒN TÀI TRỢ
(Số liệu phân tích năm 2009)

Chỉ tiêu	Công thức	Đầu năm	Cuối năm	Chênh lệch
1/ Tỷ suất nguồn tài trợ thường xuyên	$\frac{\text{Nguồn tài trợ thường xuyên}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100\%$	24,8	33,9	+9,1

$$\frac{\text{Nguồn tài trợ tạm thời}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100\%$$

2/ Tỷ suất nguồn tài trợ tạm thời		75,2	66,1	-9,1
3/ Tỷ suất vốn chủ sở hữu so với nguồn tài trợ thường xuyên		5,09	4,32	-0,77

Nguồn: Chỉ tiêu được tính toán từ các số liệu trên Bảng cân đối kế toán năm 2009 của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

Kết quả phân tích cho thấy, Tổng công ty đã sử dụng phần lớn nợ dài hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn, tính ổn định của nguồn tài trợ mặc dù được cải thiện nhưng sự độc lập về mặt tài chính của Tổng công ty là chưa cao.

Để đánh giá toàn diện hơn, có thể so sánh các chỉ tiêu phản ánh tính tự chủ về tài chính và tính ổn định của nguồn tài trợ tại Tổng công ty với số liệu của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai và Công ty cổ phần Sông Đà 10 (bảng 3.3). Đây là 2 công ty hoạt động kinh doanh đa ngành nghề, nhưng xây dựng vẫn là lĩnh vực hoạt động chính và có vốn điều lệ xấp xỉ vốn điều lệ của Tổng công ty. So với 2 công ty cùng ngành nghề và quy mô vốn, tính tự chủ về tài chính và tính ổn định của nguồn tài trợ tại Tổng công ty thấp hơn do tài sản được hình thành chủ yếu từ nguồn vốn vay nợ và nguồn tài trợ thường xuyên chủ yếu là nợ dài hạn.

Bảng 3.3: SO SÁNH TÍNH TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH VÀ TÍNH ỔN ĐỊNH CỦA NGUỒN TÀI TRỢ CỦA CIENCO 5, CTCP XUÂN MAI, CTCP SÔNG ĐÀ 10 (Số liệu phân tích năm 2009)

Chỉ tiêu	CIENCO 5	CTCP Xuân Mai	CTCP Sông Đà 10
----------	----------	---------------	-----------------

1/Tỷ suất nợ (%)	98,5	76,7	54,2
2/Tỷ suất tự tài trợ (%)	1,5	23,3	45,8
3/ Tỷ suất nguồn tài trợ thường xuyên (%)	33,9	32,4	56,1
4/ Tỷ suất nguồn tài trợ tạm thời (%)	66,1	67,6	43,9
5/ Tỷ suất vốn chủ sở hữu so với nguồn tài trợ thường xuyên (%)	4,32	63,06	81,6

Nguồn: Số liệu được tổng hợp từ website: www.hsx.vn

3.2.2.3 Hoàn thiện nội dung phương pháp phân tích hiệu quả kinh doanh

3.2.2.3.1 Hoàn thiện nội dung phương pháp phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định và hàng tồn kho

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định tại Tổng công ty được thể hiện trên bảng 3.4. Kết quả phân tích cho thấy, trong năm 2009, tài sản cố định chưa được sử dụng hiệu quả

Hiệu quả sử dụng hàng tồn kho được phân tích qua bảng 3.5. Kết quả phân tích cho thấy hàng tồn kho luân chuyển chưa tốt.

Để phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định và hàng tồn kho, cần áp dụng phương pháp loại trừ khi phân tích.

3.2.2.3.2 Hoàn thiện nội dung phương pháp phân tích hiệu quả kinh doanh

- Áp dụng phương pháp Dupont trong phân tích hiệu quả kinh doanh: Kết quả phân tích cho thấy, cả 2 yếu tố số vòng quay của tài sản và suất sinh lời của doanh thu giảm là nguyên nhân khiến suất sinh lời của vốn chủ sở hữu giảm. Để cải thiện suất sinh lời của vốn chủ sở hữu thì cần có biện pháp làm tăng doanh thu và lợi nhuận sau thuế để tăng vòng quay của tài sản và suất sinh lời của doanh thu.

- Áp dụng phương pháp chi tiết theo địa điểm kinh doanh trong phân tích hiệu quả kinh doanh: Kết quả phân tích cho thấy, 5 công ty thành viên độc lập (Công ty 502, Công ty 503, Công ty 506, Công ty 507 và Công ty 529) hoạt động kém hiệu quả vì kinh doanh thua lỗ, vốn chủ sở hữu của các công ty này nhỏ hơn 0. Trong đó, Công ty 502 là thành viên kém nhất và công ty có thể rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

- Khối phụ thuộc hoạt động hiệu quả nhất thể hiện qua các chỉ tiêu phản ánh suất sinh lời đều lớn hơn 0, vốn chủ sở hữu được sử dụng hiệu quả nhất.

3.3 NHỮNG KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÁP

- Đối với công tác tài chính của Tổng công ty: Tổ chức bộ máy kế toán một cách khoa học hơn, các bộ phận phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm cung cấp thông tin chính xác, nhanh chóng. Nên thực hiện việc kiểm toán nội bộ định kỳ.

- Đối với công tác phân tích: Xây dựng quy chế phân tích BCTC và kế hoạch đào tạo cán bộ làm công tác phân tích. Cần trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho công tác phân tích BCTC, như là hệ thống phần mềm phân tích chuyên dụng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Thông qua việc phản ánh thực tế công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 ở chương 2, trong chương 3, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty, đáp ứng tốt hơn nhu cầu cung cấp thông tin cho Ban lãnh đạo trong hoạt động quản lý. Những giải pháp đó là:

- Hoàn thiện tài liệu phục vụ phân tích báo cáo tài chính:
- + Bổ sung báo cáo chi tiết về hàng tồn kho.

- + Lập Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.
- + Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp.
- Hoàn thiện nội dung phương pháp phân tích phân tích báo cáo tài chính để đáp ứng được mục tiêu phân tích. Cụ thể như sau:
 - + Bổ sung nội dung phân tích tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh. Phương pháp phân tích: phương pháp cân đối liên hệ.
 - + Bổ sung nội dung phân tích tính ổn định của nguồn tài trợ. Phương pháp phân tích là phương pháp loại trừ.
 - + Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định và hàng tồn kho, phân tích hiệu quả sử dụng vốn vay. Phương pháp phân tích: phương pháp loại trừ. Khi phân tích các chỉ tiêu phản ánh suất sinh lời cần áp dụng phương pháp Dupont. Bên cạnh đó, phương pháp chi tiết theo địa điểm kinh doanh được dùng để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh những thành viên trực thuộc.
 - Một số kiến nghị đối với Tổng công ty để thực hiện tốt các giải pháp: Thực hiện kiểm toán nội bộ định kỳ, xây dựng quy chế phân tích và đào tạo cán bộ phân tích.

PHẦN KẾT LUẬN

Có thể nói phân tích báo cáo tài chính ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin kinh tế, tài chính cho nhà quản lý doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm đến doanh nghiệp nhằm phục vụ cho việc ra quyết định. Trong nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ đòi hỏi mỗi doanh nghiệp nói chung, các doanh nghiệp Nhà nước nói riêng cần tiến hành phân tích báo cáo tài chính.

Qua một thời gian nghiên cứu lý luận về báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính, cùng với việc tìm hiểu thực trạng công tác

phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5, tác giả đã hoàn thành luận văn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh với đề tài **“Hoàn thiện công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5”**. Với sự hướng dẫn tận tình của người hướng dẫn khoa học – TS. Ngô Hà Tấn, tác giả đã nỗ lực hết mình để thể hiện đầy đủ yêu cầu về nội dung nghiên cứu trong luận văn. Cụ thể, luận văn cơ bản đã giải quyết được các vấn đề sau:

Thứ nhất, trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về báo cáo tài chính, nội dung và các phương pháp thường được sử dụng trong phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Thứ hai, trình bày khái quát thực trạng công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông về mục tiêu phân tích, tài liệu phục vụ cho phân tích, nội dung phương pháp phân tích. Những đánh giá của tác giả về công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty trong việc đáp ứng nhu cầu thông tin cho Ban lãnh đạo trong hoạt động quản lý. Một số nguyên nhân khiến công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty còn tồn tại những hạn chế.

Thứ ba, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tế, tác giả đưa ra phương hướng hoàn thiện công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 dựa trên việc xác định lại mục tiêu phân tích là nhằm phục vụ nhu cầu thông tin cho Ban lãnh đạo trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty nói chung, các thành viên trực thuộc nói riêng. Trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp hoàn thiện nội dung, phương pháp phân tích và tài liệu phục vụ công tác phân tích báo cáo tài chính tại Tổng công ty. Một số kiến nghị đối với Tổng công ty để thực hiện tốt các giải pháp đề ra.

Tuy nhiên, do những hạn chế về kiến thức của bản thân, nguồn tài liệu phân tích nên việc nghiên cứu còn tồn tại những hạn chế, thiếu

sốt. Tác giả rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý thầy, cô để luận văn được hoàn thiện hơn.